

Bản án số: 63/2022/KDTM-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Tám

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Thanh Hưng
2. Ông Võ Thành Viên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 26 và 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 1/2021/TLST-KDTM ngày 06 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2022/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2022/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q; trụ sở: Phường T, Quận G, Thành phố H.

*Đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Mai Hồng Đ và bà Đồng Thị A, theo Giấy ủy quyền ngày 12/8/2022; địa chỉ: Phường X, quận Y, Thành phố H; (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đ; trụ sở: Phường M, quận G, Thành phố H.

*Đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Lại Huy T, theo Giấy ủy quyền ngày 30/01/2021; địa chỉ: Phường Đ, Quận F, Thành phố H; (có mặt tại phiên tòa xét xử và vắng mặt khi tuyên án).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nộp ngày 25 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q trình bày:*

Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q (viết tắt là Công ty Q) và bị đơn Công ty Cổ phần Đ ký Hợp đồng kinh tế số

21/2017/HĐKT ngày 07/4/2017 về việc thi công công trình chung cư A tại địa chỉ hẻm 237, đường P, Phường 14, quận G, Thành phố H. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Công ty Q phụ trách thi công phần đá hoa cương và khung đỡ bàn bếp, chậu rửa tại công trình chung cư A trong thời gian thi công là 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, tổng giá trị thi công là 3.316.882.000 đồng. Công ty Cổ phần Đ là nhà thầu chính của công trình chung cư A.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Q đã thực hiện nghĩa vụ thi công như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 14/6/2018, Công ty Q gửi hồ sơ thanh toán đợt 01 theo hợp đồng kinh tế trên cho Công ty Cổ phần Đ. Bị đơn đã ký xác nhận khối lượng công việc nguyên đơn đã thực hiện thi công. Theo hồ sơ thanh toán đợt 01 hai bên đã ký xác nhận thì số tiền thi công bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.404.510.329 đồng (đã bao gồm VAT). Đến nay, Công ty Cổ phần Đ mới thanh toán tiền thi công cho Công ty Q là 581.953.633 đồng. Công ty Cổ phần Đ còn nợ tiền thi công của Công ty Q là 822.556.696 đồng.

Căn cứ vào điều khoản thanh toán tại Hợp đồng kinh tế số 21/2017/HĐKT ngày 07/4/2017 thì khi hai bên công ty đã xác nhận thi công xong từng hạng mục và phía Công ty Q đã cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán thì Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền mà nguyên đơn đã thi công trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có đầy đủ chứng từ. Đến ngày 01/7/2018, Công ty Cổ phần Đ phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu cho Công ty Q nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền thi công cho nguyên đơn, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc và đòi nợ

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Công ty Q khởi kiện Công ty Cổ phần Đ và yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền thi công xây dựng còn nợ theo hồ sơ thanh toán đợt 01 theo Hợp đồng kinh tế số 21/2017/HĐKT ngày 07/4/2017 và tiền lãi suất chậm trả tính đến ngày 26/8/2022 như sau:

+ Tiền nợ gốc: 822.556.696 đồng;

+ Tiền lãi suất chậm trả: 370.037.834 đồng (lãi suất chậm trả tính theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 10%/năm tính từ ngày 01/7/2018 đến ngày 26/8/2022);

Tổng cộng nợ gốc và lãi là 1.192.594.530 đồng.

Ngoài ra, Công ty Q yêu cầu Công ty Cổ phần Đ phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 27/8/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

Nguyên đơn có xuất 02 hóa đơn VAT ngày 11/8/2017 và ngày 20/12/2017 giao cho bị đơn, hiện nay nguyên đơn không còn giữ bản chính 02 hóa đơn này, nếu cần có thể xác minh 02 hóa đơn này ở cơ quan thuế. Nguyên đơn tự nguyện cắt trừ 15% giá trị hợp đồng mà bị đơn đã tạm ứng trước đó nên nguyên đơn không xuất hóa đơn VAT với khoản này. Nguyên đơn gửi cho bị đơn hồ sơ thanh toán đợt 1, chỉ huy phó công trình của bị đơn đã ký xác nhận khối lượng công trình nguyên đơn đã thi công. Sau đó, Công ty Cổ phần Đ đã gửi cho Công ty Q công văn số 138/2018/CV-ĐÔ6 ngày 01/10/2018 về việc thanh toán công nợ công trình Chung cư A. Khi bị đơn ký xác nhận hồ sơ thanh toán đợt 1 xem như bị đơn đã đồng ý với

kết quả công trình, đã 04 năm trôi qua bị đơn không có ý kiến phản hồi về hồ sơ chưa đầy đủ, không có khiếu nại khối lượng và chất lượng công trình, công trình đã đưa vào sử dụng, bị đơn đã bán căn hộ cho khách hàng sử dụng. Trước đây, nguyên đơn gửi trực tiếp Biên bản nghiệm thu cho bị đơn nhưng bị đơn không chịu ký xác nhận, còn nguyên đơn gửi qua bưu điện thì bị đơn nói không nhận được, nguyên đơn cũng không biết phải làm sao thì bị đơn mới chịu ký xác nhận. Nguyên đơn bị thất lạc hồ sơ giấy tờ là Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Biên bản nghiệm thu công việc nhưng nguyên đơn đã tìm lại được nên xin xuất trình tại phiên tòa cho Hội đồng xét xử kèm theo biên lai gửi bưu điện hồ sơ thanh toán cho bị đơn. Nguyên đơn không xuất trình các biên bản này trước đây vì biên bản chỉ có chữ ký của nguyên đơn, không có xác nhận của bị đơn nên nguyên đơn mới không nộp trước đó. Bị đơn không có thiện chí trả nợ cho nguyên đơn chứ không phải bị đơn không nhận được hồ sơ thanh toán.

*Tại phiên tòa ngày 26/5/2022 và ngày 26/8/2022, đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần Đ trình bày:* Đại diện của bị đơn xác nhận ký Hợp đồng kinh tế số 21/2017/HĐKT ngày 07/4/2017 và thực tế nguyên đơn có thi công xây dựng phần đá hoa cương và khung đỡ bàn bếp, chậu rửa tại công trình chung cư A cho bị đơn. Đại diện của Công ty Cổ phần Đ xác nhận ông Nguyễn Hoàng A là người của Công ty Cổ phần Đ và không có ý kiến về việc chỉ huy phó công trình của bị đơn ký hồ sơ thanh toán đợt 01 do nguyên đơn gửi. Đại diện của Công ty Cổ phần Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty Q vì hồ sơ thanh toán nguyên đơn gửi cho bị đơn không phù hợp theo thỏa thuận trong hợp đồng ký giữa hai bên. Tại Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số 21/2017/HĐKT ngày 07/4/2017 có thỏa thuận thời gian thanh toán 15 ngày kể từ ngày bên B (là Công ty Q) có đủ chứng từ (Biên bản nghiệm thu, giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn VAT), nhưng phía nguyên đơn gửi thiếu chứng từ, không có Biên bản nghiệm thu và hóa đơn VAT làm cho kế toán của bị đơn không có đủ hồ sơ làm thanh toán cho nguyên đơn được. Các hạng mục nguyên đơn thi công cho bị đơn xong nhưng chưa có Biên bản nghiệm thu sẽ không đánh giá được chất lượng công trình nguyên đơn làm có hoàn thành tốt không. Biên bản nghiệm thu phải theo mẫu của Bộ Xây dựng và phải có xác nhận của hai bên. Bảng chi tiết khối lượng thực hiện đợt 1 do nguyên đơn gửi có chữ ký xác nhận của chỉ huy phó công trình của bị đơn nhưng bảng này chỉ thể hiện xác nhận khối lượng thi công mà không thể hiện được chất lượng thi công như thế nào, có hoàn thành tốt không, vì nó không phải là Biên bản nghiệm thu.

Đại diện của Công ty Cổ phần Đ xác nhận công văn số 138/2018/CV-ĐÔ6 ngày 01/10/2018 do người đại diện theo pháp luật của bị đơn ban hành gửi cho nguyên đơn có xác nhận bị đơn còn nợ tiền thi công xây dựng của nguyên đơn nhưng không xác định khoản nợ cụ thể là bao nhiêu, ngoài ra công văn này còn có nội dung chủ đầu tư yêu cầu tạm ngưng thi công để các bên cùng tiến hành kiểm tra chất lượng công trình theo yêu cầu của Bộ Xây dựng và kiểm kê đánh giá khối lượng đã thực hiện; nhưng thực tế đến nay chưa kiểm tra chất lượng công trình được. Công ty Cổ phần Đ đã thanh toán cho Công ty Q số tiền thi công 581.953.633 đồng do bị đơn tạm ứng trước khi thi công cho nguyên đơn. Công ty Cổ phần Đ có thay đổi người đại diện theo pháp luật, công trình thi công có tạm ngưng khoảng hơn 01 năm do bị đơn không có đủ tiền để thực hiện thi công, chủ đầu tư của bị đơn chậm quyết toán. Công trình chung cư A thi công xây dựng xong,

đã được sử dụng từ cuối năm 2020 đến nay, chủ đầu tư và khách hàng sử dụng công trình có ý kiến khiếu nại hay phản ánh gì về chất lượng công trình nguyên đơn đã thi công không thì đại diện của bị đơn không biết rõ.

Đại diện của Công ty Cổ phần Đ không đồng ý với nội dung tài liệu chứng cứ là Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Biên bản nghiệm thu công việc kèm theo biên lai gửi bưu điện hồ sơ thanh toán do nguyên đơn xuất trình và nộp bổ sung tại phiên tòa, không xác nhận giá trị hiệu lực của nó, vì tại phiên tòa xét xử lần trước ngày 26/5/2022 nguyên đơn không xuất trình các biên bản này, phiếu báo phát gửi bưu điện ngày 08/01/2021 và các phiếu bưu điện khác không thể hiện hồ sơ gửi báo phát bưu điện là gì, nên biên bản trên lập sau bộ hồ sơ thanh toán; cả 02 bộ hồ sơ thanh toán đợt 01 và 02 nguyên đơn lập và gửi kèm theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án đều không có Biên bản nghiệm thu. Đại diện của bị đơn không xác nhận 02 hóa đơn VAT ngày 11/8/2017 và ngày 20/12/2017 do nguyên đơn nộp cho Tòa án vì chỉ là bản phô tô, bị đơn không nhận được 02 hóa đơn này trong bộ hồ sơ thanh toán. Đối với công văn ngày 17/6/2022 của Chi cục thuế khu vực Quận K – huyện M trả lời xác minh của Tòa án xác nhận nguyên đơn có kê khai 02 hóa đơn GTGT ngày 11/8/2017 và ngày 20/12/2017 thì đó là việc của nguyên đơn kê khai với cơ quan thuế, bị đơn không can thiệp vào việc này được.

Công ty Cổ phần Đ không muốn Hội đồng xét xử để thêm thời gian cho Công ty Cổ phần Đ gặp riêng Công ty Q để ký xác nhận Biên bản nghiệm thu và các nội dung khác vì liên quan đến khối lượng, chất lượng công trình, mà công việc phát sinh từ năm 2017, 2018; hiện nay nhân sự của bị đơn đã thay đổi, không bàn giao lại cho người đại diện mới của công ty; bị đơn nhiều lần yêu cầu chủ đầu tư nghiệm thu toàn bộ công trình chung cư A nhưng chủ đầu tư không nghiệm thu.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng thi công xây dựng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Công ty Cổ phần Đ đã ký hợp đồng thi công xây dựng với Công ty Q theo như nội dung vụ án đã trình bày, nguyên đơn đã thực hiện thi công theo như thỏa thuận nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ, chưa thanh toán hết tiền thi công cho nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về tố tụng:*

*Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q và Công ty Cổ phần Đ ký hợp đồng thi công xây dựng, do đó có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại, đây là tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng. Do nguyên đơn đã thực hiện thi công như thỏa thuận nhưng bị đơn chưa thanh toán hết tiền thi công cho nguyên đơn nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q khởi kiện.

Công ty Cổ phần Đ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 21/7/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 23/12/2019, công ty chưa đăng ký giải thể và có trụ sở tại Phường M, quận G, Thành phố H. Do bị đơn Công ty Cổ phần Đ có trụ sở tại quận G, Thành phố H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Về người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q có mặt đầy đủ tại các phiên tòa xét xử. Bị đơn Công ty Cổ phần Đ có mặt tại phiên tòa xét xử ngày 26/5/2022 và ngày 26/8/2022, vắng mặt tại phiên tòa ngày 30/5/2022 và ngày tuyên án 30/8/2022 mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tuyên án vắng mặt bị đơn, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

## *[2]. Về nội dung:*

Đối với yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 21/2017/HĐKT ngày 07/4/2017 được ký giữa Công ty Q với Công ty Cổ phần Đ cho thấy việc giao kết hợp đồng thi công xây dựng nêu trên giữa các bên là có thật và trên cơ sở tự nguyện, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết, thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại các điều 113, 122, 138, 139, 140, 141, 144 Luật Xây dựng năm 2014, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020, cụ thể khoản 1 Điều 144 quy định: “*Việc thanh toán hợp đồng xây dựng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng mà các bên đã ký kết*”; khoản 2 Điều 144 quy định: “*Các bên hợp đồng thỏa thuận về phương thức thanh toán, thời gian thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán*”.

Hội đồng xét xử nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận ký Hợp đồng kinh tế số 21/2017/HĐKT ngày 07/4/2017 về việc thi công công trình chung cư A. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Công ty Q phụ trách thi công phần đá hoa cương và khung đỡ bàn bếp, chậu rửa tại công trình chung cư A trong thời gian thi công là 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, tổng giá trị thi công là 3.316.882.000 đồng. Khoản 2 Điều 3 của hợp đồng nêu trên quy định sau khi ký hợp đồng, bị đơn cho nguyên đơn tạm ứng 15% giá trị hợp đồng, hàng tháng sau khi nguyên đơn thi công xong từng hạng mục được bị đơn (Ban CHCT) xác nhận thì bị đơn cho

nguyên đơn tạm ứng tiếp 80% giá trị hợp đồng sau khi trừ tạm ứng; thời gian thanh toán 15 ngày kể từ ngày nguyên đơn có đủ chứng từ (Biên bản nghiệm thu, giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn VAT); sau khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và chấm dứt hợp đồng thì bị đơn thanh toán đủ số tiền còn lại cho nguyên đơn. Điều 4 của hợp đồng nêu trên quy định trách nhiệm của bị đơn tạo điều kiện thuận lợi cho nguyên đơn thi công, tạm ứng và thanh toán kịp thời; trách nhiệm của nguyên đơn thi công theo thiết kế và các yêu cầu cụ thể của bị đơn đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật của công trình.

Xét Công ty Q đã thực hiện nghĩa vụ thi công như đã thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên. Đại diện Công ty Cổ phần Đ (Ban CHCT) đã ký xác nhận khối lượng công việc đến ngày 13/6/2018 mà Công ty Q đã thực hiện thi công trong Bảng chi tiết khối lượng thực hiện đợt 01 tại công trình chung cư A. Đại diện hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa cũng xác nhận nguyên đơn có thi công xây dựng, đã ký xác nhận khối lượng công trình và người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đ đã ban hành và gửi cho Công ty Q công văn số 138/2018/CV-ĐÔ6 ngày 01/10/2018 xác nhận bị đơn còn nợ tiền thi công xây dựng của nguyên đơn nhưng khoản nợ cụ thể là bao nhiêu thì không xác định. Do đó, có cơ sở khẳng định trên thực tế nguyên đơn đã thực hiện thi công các hạng mục công trình trình chung cư A cho bị đơn theo như thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế số 21/2017/HĐKT ngày 07/4/2017 và đã được đại diện của bị đơn xác nhận khối lượng công trình nguyên đơn đã thực hiện nhưng Công ty Cổ phần Đ chưa thanh toán hết khoản tiền thi công cho Công ty Q.

Xét tại phiên tòa ngày 26/5/2022, đại diện của Công ty Cổ phần Đ cho rằng hồ sơ thanh toán Công ty Q gửi cho Công ty Cổ phần Đ không phù hợp theo Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số 21/2017/HĐKT ngày 07/4/2017 có thỏa thuận thời gian thanh toán 15 ngày kể từ ngày bên B (là Công ty Q) có đủ chứng từ (Biên bản nghiệm thu, giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn VAT), nhưng phía nguyên đơn gửi thiếu chứng từ, không có Biên bản nghiệm thu và hóa đơn VAT làm cho kế toán của bị đơn không có đủ hồ sơ làm thanh toán cho nguyên đơn. Đại diện của nguyên đơn trình bày nguyên đơn đã xuất 02 hóa đơn VAT ngày 11/8/2017 và ngày 20/12/2017 giao cho bị đơn nhưng đại diện của bị đơn trình bày không nhận được 02 hóa đơn VAT này, 02 hóa đơn nguyên đơn nộp cho Tòa án kèm đơn khởi kiện chỉ là bản phô tô. Công ty Q nộp bổ sung tài liệu chứng cứ tại phiên tòa ngày 26/8/2022 là Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Biên bản nghiệm thu công việc cùng đề ngày 13/6/2018 (không có ký xác nhận của bị đơn) kèm theo biên lai gửi bưu điện. Công ty Cổ phần Đ không đồng ý với nội dung các tài liệu chứng cứ trên do Công ty Q nộp bổ sung. Nguyên đơn trình bày nguyên đơn giao trực tiếp các tài liệu chứng cứ trên thì bị đơn không chịu ký xác nhận, còn nguyên đơn gửi qua bưu điện có phiếu báo phát của bưu điện chứng minh thì bị đơn nói không nhận được.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để triệu tập Công ty Cổ phần Đ tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty Cổ phần Đ đều vắng mặt và không nộp bản

trình bày ý kiến mặc dù có cử ông Lại Huy T làm người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng, do đó Tòa án không lấy lời khai của bị đơn cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hỏi đại diện hợp pháp của bị đơn có muốn Hội đồng xét xử để thêm thời gian cho bị đơn và nguyên đơn cùng ngồi lại ký kết Biên bản nghiệm thu xác nhận chất lượng công trình nguyên đơn đã xây dựng, hoàn thiện điều kiện thanh toán mà bị đơn đưa ra thì đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Đ không đồng ý. Điều đó chứng tỏ bị đơn không có thiện chí và không tha thiết muốn hai bên ký Biên bản nghiệm thu đánh giá chất lượng công trình để hoàn thiện hồ sơ thanh toán. Tòa án đã xác minh việc xuất hóa đơn GTGT của Công ty Q tại Chi cục thuế, kết quả xác minh của Chi cục thuế khu vực Quận K - huyện M trả lời Công ty Q đã kê khai thuế 02 hóa đơn GTGT số 0000001 ngày 11/8/2017 và số 0000002 ngày 20/12/2017 (có kèm tờ khai thuế GTGT) với cùng số tiền như nguyên đơn trình bày. Do đó, có cơ sở khẳng định Công ty Q đã thực hiện việc xuất hóa đơn GTGT cho Công ty Cổ phần Đ.

Xét đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Đ trình bày công trình thi công xong và đã sử dụng từ khoảng cuối năm 2020 đến nay, chủ đầu tư và khách hàng sử dụng công trình có ý kiến khiếu nại hay phản ánh gì về chất lượng công trình nguyên đơn đã thi công không thì đại diện của bị đơn không biết rõ. Phía nguyên đơn không nhận được bất kỳ ý kiến phản hồi hay khiếu nại gì về chất lượng công trình mặc dù công trình đưa vào sử dụng đã lâu nên có cơ sở đánh giá công trình nguyên đơn thi công đạt chất lượng. Theo hồ sơ thanh toán đợt 01 hai bên đã ký xác nhận khối lượng công trình thì số tiền thi công Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty Q là 1.404.510.329 đồng (đã bao gồm VAT). Đến nay, Công ty Cổ phần Đ mới thanh toán tiền thi công cho Công ty Q là 581.953.633 đồng (thể hiện trong các giao dịch chuyển khoản qua Ngân hàng và tại phiên tòa, đại diện của bị đơn xác nhận đã thanh toán khoản này). Công ty Cổ phần Đ còn nợ Công ty Q tiền thi công xây dựng 822.556.696 đồng là có cơ sở. Do đó, Công ty Cổ phần Đ đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng được ký giữa hai bên nêu trên về thời hạn thanh toán tiền thi công.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi suất chậm trả trên số tiền thi công xây dựng bị đơn còn nợ, các đương sự không có thỏa thuận mức lãi suất cụ thể. Nguyên đơn căn cứ vào thỏa thuận thời gian thanh toán trong hợp đồng và quy định của pháp luật, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi suất chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 370.037.834 đồng (lãi suất chậm trả tính theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 10%/năm tính từ ngày 01/7/2018 đến ngày 26/8/2022). Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2019 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*; căn cứ Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xác định lãi suất trung bình trên thị trường. Tòa án đã xác minh mức lãi suất trung bình trên thị trường của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (công văn cung cấp mức

lãi suất số 620/CV-CN9-TH ngày 09/5/2022), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (công văn cung cấp mức lãi suất số 157/CV.TSN-KT ngày 10/5/2022), Ngân hàng TMCP Á Châu (công văn cung cấp lãi suất số 1639/CV-QLN.22 ngày 12/5/2022) cho thấy mức lãi suất nợ quá hạn trung bình là trên 10%/năm. Do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thi công xây dựng, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi suất 10%/năm, thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm, là có lợi cho bị đơn. Ngoài ra, Công ty Q yêu cầu Công ty Cổ phần Đ phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 27/8/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy do Công ty Cổ phần Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Q nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu thu hồi lại số tiền thi công xây dựng bị đơn còn nợ và tiền lãi suất chậm trả là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc Công ty Cổ phần Đ phải trả cho Công ty Q số tiền thi công xây dựng còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 1.192.594.530 đồng, trong đó nợ gốc là 822.556.696 đồng và khoản tiền nợ lãi phát sinh tính đến ngày 26/8/2022 là 370.037.834 đồng (lãi suất chậm trả tính theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 10%/năm tính từ ngày 01/7/2018 đến ngày 26/8/2022). Ngoài ra, Công ty Cổ phần Đ phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc còn nợ cho Công ty Q tính từ ngày 27/8/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Đến hạn thanh toán, bị đơn chưa trả hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ khoản nợ trên để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q được chấp nhận nên Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 47.777.836 đồng đối với khoản nợ mà Công ty Cổ phần Đ phải trả là 1.192.594.530 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 21.217.299 đồng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q theo biên lai thu số AA/2019/0027763 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ nêu trên,*



## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 177, Điều 179, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 267, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 113, 122, 138, 139, 140, 141, 144 Luật Xây dựng năm 2014, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2019;

Căn cứ Điều 280, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q.

- Buộc Công ty Cổ phần Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q số tiền thi công xây dựng còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 1.192.594.530 (Một tỷ một trăm chín mươi hai triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi) đồng, trong đó nợ gốc là 822.556.696 (Tám trăm hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi sáu) đồng và khoản tiền nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tính từ ngày 01/7/2018 đến ngày 26/8/2022 là 370.037.834 (Ba trăm bảy mươi triệu không trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi bốn) đồng.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Đ phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc còn nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q tính từ ngày 27/8/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

Thời hạn thanh toán: Công ty Cổ phần Đ thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đến hạn thanh toán, Công ty Cổ phần Đ chưa trả hết nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ khoản nợ trên để thu hồi nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q.

2- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 47.777.836 (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi sáu) đồng đối với khoản nợ mà Công ty Cổ phần Đ phải

trả là 1.192.594.530 (Một tỷ một trăm chín mươi hai triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi) đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 21.217.299 (Hai mươi một triệu hai trăm mười bảy nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0027763 ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn Công ty Cổ phần Đ đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4- Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND Q.Gò Vấp;
- Thi hành án DS Q.Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Hoa).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Tám**

